

Số: 4457/UBND-PTCKH

Quận 8, ngày 30 tháng 12 năm 2024

V/v triển khai thực hiện Quyết định  
số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20  
tháng 12 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị Quận 8;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường;
- Thủ trưởng các cơ sở giáo dục Quận 8.

Thực hiện Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 1275/TTr-TCKH ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8,

Ủy ban nhân dân Quận 8 chỉ đạo như sau:

Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường nghiên cứu, triển khai thực hiện quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 6365/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân phường kịp thời báo cáo đề xuất gửi Ủy ban nhân dân Quận 8 (thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Ủy ban nhân dân Quận 8 đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND Quận 8;
- VP (C, PCVP, Nghĩa);
- Lưu: VT.

\* Đính kèm: Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố



Võ Thành Khả



**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 8804/TTr-STC ngày 12 tháng 11 năm 2024 về dự thảo Quyết định ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6887/BC-STP-VB ngày 18 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tài sản cố định vô hình hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định vô hình do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp đều phải tính hao mòn, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 11 và các trường hợp không thỏa mãn tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình**

Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần

vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 6365/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Thành ủy; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Thành viên UBNDTP;
- Sở Tư pháp (Phòng Kiểm tra văn bản);
- VPUB: các PCVP;
- Các phòng NCTH;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, (KT/BQH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Dũng**



**Phụ lục**  
**QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN**  
**VÀ TỶ LỆ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**  
**THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Kèm theo Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024*  
*của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

| STT       | Danh mục                                                                                                                                                                   | Thời gian tính hao mòn (năm) | Tỷ lệ tính hao mòn (% năm) |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả</b>                                                                                                                        |                              |                            |
| 1         | Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và các tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác | 50                           | 2                          |
| 2         | Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm: báo chí; âm nhạc; sân khấu; văn học, nghệ thuật dân gian; điện ảnh; nhiếp ảnh; mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng         | 50                           | 2                          |
| 3         | Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học                                     | 25                           | 4                          |
| 4         | Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu                                                                                       | 25                           | 4                          |
| 5         | Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đến quyền tác giả                                                                                                                  | 25                           | 4                          |
| 6         | Giấy chứng nhận đăng ký khác                                                                                                                                               | 25                           | 4                          |
| <b>II</b> | <b>Quyền sở hữu công nghiệp</b>                                                                                                                                            |                              |                            |
| 1         | Bằng độc quyền sáng chế                                                                                                                                                    | 20                           | 5                          |
| 2         | Bằng độc quyền giải pháp hữu ích                                                                                                                                           | 10                           | 10                         |
| 3         | Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp                                                                                                                                       | 10                           | 10                         |
| 4         | Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí                                                                                                                                    | 10                           | 10                         |
| 5         | Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu                                                                                                                                          | 10                           | 10                         |
| 6         | Giấy chứng nhận đăng ký khác                                                                                                                                               | 10                           | 10                         |

| STT        | Danh mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời gian tính hao mòn (năm) | Tỷ lệ tính hao mòn (% năm) |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|
| <b>III</b> | <b>Quyền đối với giống cây trồng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                              |                            |
| 1          | Bằng bảo hộ giống cây trồng thân gỗ và cây leo thân gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 25                           | 4                          |
| 2          | Bằng bảo hộ giống cây trồng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 20                           | 5                          |
| <b>IV</b>  | <b>Phần mềm ứng dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                              |                            |
| 1          | Phần mềm soạn thảo và chỉnh sửa nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5                            | 20                         |
| 2          | Phần mềm tra cứu, tìm kiếm, từ điển                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5                            | 20                         |
| 3          | Phần mềm ứng dụng đa ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5                            | 20                         |
| 4          | Phần mềm ứng dụng chuyên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5                            | 20                         |
| 5          | Phần mềm ứng dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5                            | 20                         |
| <b>V</b>   | <b>Tài sản cố định vô hình khác</b> (trừ: Quyền sử dụng đất đối với các trường hợp phải xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản quy định tại Điều 100 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) <b>không thuộc loại I, II, III và IV nêu trên</b> | 5                            | 20                         |



Số: 1276/TTr-TCKH

Quận 8, ngày 17 tháng 12 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

V/v triển khai Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận 8

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận 8 tại Phiếu chuyển số 13565/PC-VP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8 chuyển Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua rà soát, nghiên cứu, Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 kính trình Ủy ban nhân dân Quận 8 dự thảo văn bản triển khai thực hiện quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung:

Ủy ban nhân dân Quận 8 chỉ đạo như sau: Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường nghiên cứu, triển khai thực hiện quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 6365/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân phường kịp thời báo cáo đề xuất gửi Ủy ban nhân dân Quận 8 (thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 để tổng hợp).

\* Đính kèm: Dự thảo Công văn của Ủy ban nhân dân Quận 8.

Kính trình Ủy ban nhân dân Quận 8 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- NT.3

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Huỳnh Hữu Liêm

